

# ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ KIỀU OANH  
Trưởng Đại học Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 04/10/2025. Sửa chữa xong 30/10/2025. Duyệt đăng 05/11/2025.

## Abstract

On June 24, 2025, the 15th National Assembly passed the Law Amending and Supplementing a Number of Articles of the Law on Vietnamese Nationality (Law No. 79/2025/QH15), effective July 1, 2025. The amended law introduces significant changes to regulations on naturalization, restoration, and modification of nationality, as well as provisions concerning children's nationality. It also adds new content regarding the relationship between individuals' nationality and the State while advancing administrative procedure reforms. These amendments aim to safeguard national sovereignty and interests, uphold human rights, reinforce humanitarian policies, strengthen connections with overseas Vietnamese, and attract global resources. Additionally, the law promotes the modernization of nationality management through digital technology, enhancing transparency and administrative efficiency. This paper analyzes the key amendments and their legal and practical implications.

**Keywords:** Amended law, naturalization procedures, principle of single nationality, renunciation of nationality, restoration of nationality, vietnamese nationality.

## 1. Đặt vấn đề

Ngày 24/6/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 79/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam. Cùng với Nghị định số 191/2025/NĐ-CP và Thông tư số 12/2025/TT-BTP có hiệu lực từ 01/7/2025, hệ thống văn bản này tạo thành một khung pháp lý hoàn chỉnh, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chính sách quốc tịch, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước. Việc ban hành Luật dựa trên cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc, thể chế hóa các chủ trương của Đảng về công tác người Việt Nam ở nước ngoài [2]. Các văn kiện như Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW và đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ đều nhấn mạnh yêu cầu tạo cơ chế thuận lợi cho kiều bào trở về và thu hút nhân tài quốc tế, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Về thực tiễn, sau 17 năm thi hành, Luật Quốc tịch năm 2008 đã bộc lộ nhiều hạn chế. Các thủ tục nhập, trở lại quốc tịch còn phức tạp, chưa đáp ứng được nguyện vọng của kiều bào và chưa đủ sức hút để thu hút nhân lực chất lượng cao. Tình hình này đòi hỏi phải có sự "nới lỏng" trong chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin [3]. Mục đích chính của Luật thể hiện ở ba điểm cốt lõi: 1) Thể chế hóa chủ trương của Đảng về giải quyết nhu cầu quốc tịch chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; 2) Tháo gỡ các vướng mắc trong quy định pháp luật về nhập và trở lại quốc tịch; 3) Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số. Luật vẫn bảo đảm nguyên tắc một quốc tịch Việt Nam nhưng có sự linh hoạt trong việc công nhận song tịch ở những trường hợp đặc thù, tạo sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và quyền lợi của cá nhân. Về cấu trúc, Luật số 79/2025/QH15 bao gồm 03 Điều, trong đó Điều 1 sửa đổi, bổ sung 21/44 điều của Luật năm 2008 [6], tập trung vào các quy định then chốt về nhập, trở lại và thôi quốc tịch. Các sửa đổi này mang tính toàn diện, tạo lập một cơ chế pháp lý thông thoáng, minh bạch và hiệu quả. Như vậy, Luật Quốc tịch sửa đổi cùng các văn bản hướng dẫn không chỉ hoàn thiện hệ thống pháp luật mà còn góp phần thực

Email: oanhnguyen1028@gmail.com

hiện mục tiêu chiến lược về hội nhập quốc tế, thu hút nhân tài và phát triển khoa học - công nghệ. Đây là minh chứng cho quá trình xây dựng pháp luật sát với thực tiễn, lấy yêu cầu phát triển đất nước làm trung tâm, đồng thời bảo đảm các yếu tố về quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Nội dung cơ bản của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam**

Về cơ bản, nội dung của Luật có thể được phân tích thành ba nhóm chính: 1) Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện các quy định hiện hành; 2) Những nội dung mới được bổ sung; 3) Các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính.

### **2.2. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện**

Nhóm nội dung này tập trung vào việc điều chỉnh, làm rõ và mở rộng các quy định về điều kiện, thủ tục liên quan đến quốc tịch, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo đảm tốt hơn quyền lợi của các đối tượng có liên quan, đặc biệt là kiều bào và trẻ em.

#### **2.2.1. Về nhập quốc tịch Việt Nam**

Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung toàn diện, tạo ra một hành lang pháp lý linh hoạt hơn, với các điều kiện được phân loại rõ ràng và nhiều trường hợp được ngoại lệ, phản ánh cách tiếp cận mới "phân tầng đối tượng" trong chính sách quốc tịch.

Về điều kiện chung, công dân nước ngoài và người không quốc tịch có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ 6 điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 19. Các điều kiện này bao gồm: (a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam [5], với ngoại lệ áp dụng cho người chưa thành niên xin nhập quốc tịch theo cha hoặc mẹ; (b) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam - một điều kiện mang tính nguyên tắc, thể hiện sự cam kết với trật tự pháp lý và bản sắc văn hóa của Việt Nam; (c) Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam, nhấn mạnh đến khả năng hội nhập về mặt ngôn ngữ và văn hóa thực tế hơn là các bằng cấp chính thức; (d) Đang thường trú tại Việt Nam; (đ) Thời gian thường trú tại Việt Nam từ đủ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch nhằm đảm bảo người xin nhập quốc tịch đã có một khoảng thời gian đủ dài để hiểu biết và thích nghi với đời sống xã hội Việt Nam; (e) Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam nhằm giảm thiểu gánh nặng an sinh xã hội và chứng minh sự tự chủ về tài chính.

Về các trường hợp được miễn trừ điều kiện, Luật quy định hai nhóm ưu tiên chính. Nhóm thứ nhất (theo khoản 2 Điều 19) áp dụng cho người có vợ, chồng hoặc con đẻ là công dân Việt Nam. Nhóm này được hưởng chính sách ưu tiên, cụ thể là được miễn các điều kiện về trình độ tiếng Việt (điểm c), thời gian thường trú 05 năm (điểm đ) và khả năng đảm bảo cuộc sống (điểm e). Sự ưu tiên này xuất phát từ mối quan hệ gia đình gắn bó nhằm tạo điều kiện cho việc đoàn tụ và ổn định cuộc sống gia đình. Nhóm thứ hai (theo khoản 3 Điều 19) bao gồm các trường hợp đặc biệt quan trọng được miễn nhiều điều kiện hơn, bao gồm: trình độ tiếng Việt (c), tình trạng đang thường trú (d), thời gian thường trú 05 năm (đ) và khả năng đảm bảo cuộc sống (e). Các trường hợp này bao gồm: (a) Người có cha đẻ, mẹ đẻ hoặc ông bà nội/ngoại là công dân Việt Nam, ghi nhận mối quan hệ huyết thống và tạo điều kiện cho kiều bào trở về với cội nguồn; (b) Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, là sự ghi nhận xứng đáng đối với những đóng góp to lớn của cá nhân; (c) Người mà việc nhập quốc tịch là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thường áp dụng cho các nhà khoa học, chuyên gia, nhà đầu tư có tài năng đặc biệt; (d) Người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ nhằm bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho trẻ em.

Về quy định tên gọi, người xin nhập quốc tịch Việt Nam bắt buộc phải có tên bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Điểm mới đáng chú ý là trong trường hợp xin giữ quốc tịch nước ngoài, họ được phép lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Quy định này thể hiện sự tôn trọng bản sắc văn hóa gốc của người nhập quốc tịch, đồng thời tạo điều kiện cho quá trình hội nhập thuận lợi hơn.

Về điều kiện bảo vệ lợi ích quốc gia, Luật quy định rõ, người xin nhập quốc tịch sẽ không được chấp thuận nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. Đây là nguyên tắc bất di bất dịch,

đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia trong mọi trường hợp.

*Về quy định giữ quốc tịch nước ngoài, lần đầu tiên, Luật chính thức hóa việc cho phép một số trường hợp đặc biệt (có quan hệ gia đình gắn bó, có công lao hoặc có lợi cho Nhà nước Việt Nam) được giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, việc này phải đáp ứng hai điều kiện tiên quyết: 1) Việc giữ quốc tịch nước ngoài phải phù hợp với pháp luật của nước đó; 2) Không được sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Việt Nam, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia. Quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch nước. Đây được xem là một bước đột phá trong chính sách, tạo điều kiện thu hút kiều bào và nhân tài mà vẫn quản lý được các rủi ro tiềm ẩn.*

### 2.2.2. Về trở lại quốc tịch Việt Nam

Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam được sửa đổi theo hướng mở rộng đối tượng và đơn giản hóa thủ tục, thể hiện rõ chủ trương khuyến khích người Việt Nam đã mất quốc tịch trở về với quê hương.

*Về việc bãi bỏ quy định các trường hợp được trở lại, khác với quy định cũ chỉ liệt kê một số trường hợp cụ thể được xem xét trở lại quốc tịch, Luật sửa đổi đã bỏ hoàn toàn quy định giới hạn này. Theo đó, mọi trường hợp đã mất quốc tịch Việt Nam (trừ một số trường hợp đặc biệt như bị tước quốc tịch) đều có quyền nộp đơn xin trở lại và sẽ được xem xét giải quyết. Sự thay đổi này tạo điều kiện tối đa cho kiều bào mong muốn khôi phục quốc tịch Việt Nam, phù hợp với chủ trương đại đoàn kết dân tộc.*

*Về quy định tên gọi, tương tự như nhập quốc tịch, người xin trở lại quốc tịch phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Tuy nhiên, trong trường hợp xin giữ quốc tịch nước ngoài, họ có thể lựa chọn tên ghép. Tên gọi này sẽ được ghi nhận chính thức trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, thể hiện sự linh hoạt trong việc ghi nhận bản sắc cá nhân.*

*Về điều kiện giữ quốc tịch nước ngoài, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cũng được áp dụng chính sách cho phép giữ quốc tịch nước ngoài với hai điều kiện tương tự như trường hợp nhập quốc tịch và phải được Chủ tịch nước cho phép. Tuy nhiên, Nghị định số 191/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành quy định rõ: nếu không đáp ứng đủ các điều kiện này, người xin trở lại quốc tịch bắt buộc phải thôi quốc tịch nước ngoài. Điều này thể hiện sự linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc, ngăn ngừa tình trạng lạm dụng chính sách [4].*

### 2.2.3. Về quốc tịch của trẻ em và thay đổi quốc tịch của con chưa thành niên

Luật sửa đổi dành sự quan tâm đặc biệt đến quyền lợi của trẻ em trong các vấn đề về quốc tịch, bảo đảm nguyên tắc bảo vệ trẻ em và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định quốc tịch, phòng ngừa tình trạng vô quốc tịch.

*Về xác định quốc tịch cho trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, khoản 2 Điều 16 được sửa đổi theo hướng rõ ràng và bảo vệ quyền lợi tốt hơn cho trẻ. Theo đó, trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, người kia là công dân nước ngoài, sẽ có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam khi đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Điểm tiến bộ quan trọng là quy định: “Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được về việc lựa chọn quốc tịch thì trẻ em đó mặc nhiên có quốc tịch Việt Nam.” Quy định này nhằm ngăn ngừa hiệu quả tình trạng trẻ em không có quốc tịch (vô quốc tịch) và bảo vệ quyền lợi tối cao của trẻ, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên [5].*

Nghị định số 191/2025/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết việc thi hành quy định này. Cụ thể, việc thỏa thuận của cha mẹ được thực hiện thông qua thủ tục đăng ký khai sinh. Trường hợp cha mẹ không thỏa thuận được, người cha hoặc mẹ phải lập văn bản cam đoan về việc này và chịu trách nhiệm về tính trung thực của cam đoan. Đối với trẻ đã đăng ký khai sinh ở nước ngoài và có quốc tịch nước ngoài, trẻ vẫn có thể có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn khi thực hiện thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch tại Việt Nam, đồng thời việc giữ quốc tịch nước ngoài phải phù hợp với pháp luật nước đó. Cha mẹ phải có bản cam đoan về việc này. Đáng chú ý, trẻ em có cả quốc tịch Việt Nam và nước ngoài khi đăng ký khai sinh tại Việt Nam cũng có quyền được đặt tên ghép, thể hiện sự tôn trọng bản sắc văn hóa đa dạng ngay từ khi sinh ra.

*Về thay đổi quốc tịch của con chưa thành niên, Điều 35 được bổ sung khoản 1a, quy định: “Khi có sự thay đổi về quốc tịch do thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ, nếu cha mẹ không có yêu cầu khác”.*

Quy định này bảo đảm sự thống nhất về quốc tịch trong gia đình, tránh tình trạng con cái và cha mẹ có quốc tịch khác nhau gây khó khăn trong sinh hoạt, học tập, đồng thời tôn trọng quyền quyết định của cha mẹ trong việc lựa chọn quy chế quốc tịch phù hợp nhất cho con.

### **2.3. Nội dung bổ sung**

Bên cạnh việc sửa đổi các điều khoản hiện hành, Luật mới còn bổ sung nhiều quy định quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, hoàn thiện hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới, đặc biệt là trong bối cảnh gia tăng số lượng công dân mang hai quốc tịch [7].

#### **2.3.1. Bổ sung quy định về mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân trong một số trường hợp (Điều 5)**

Đây là một nội dung then chốt nhằm siết chặt quản lý đối với một số chức danh, vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước, đảm bảo sự trung thành tuyệt đối và loại bỏ mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn. Khoản 5 Điều 5 quy định bắt buộc đối với người giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; và người tham gia lực lượng vũ trang phải là người chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam. Quy định này xuất phát từ yêu cầu đặc thù của các vị trí liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia và bí mật nhà nước.

Khoản 6 Điều 5 quy định đối với công chức, viên chức không thuộc diện trên, về nguyên tắc cũng phải chỉ có một quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, Luật mở ra một ngoại lệ quan trọng: những trường hợp “có lợi cho Nhà nước”, “không làm phương hại đến lợi ích quốc gia” và vẫn phải thường trú tại Việt Nam thì có thể được chấp nhận có hai quốc tịch. Chính phủ được giao quy định chi tiết tiêu chí này, tạo cơ chế để thu hút nhân tài đặc biệt, các chuyên gia, nhà khoa học xuất sắc mà vẫn kiểm soát được rủi ro. Khoản 7 khẳng định tính áp dụng ưu tiên của các quy định tại khoản 5 và 6 so với các luật khác nhằm thống nhất chính sách trên phạm vi toàn hệ thống, khắc phục tình trạng quy định chồng chéo, thiếu đồng bộ trước đây.

#### **2.3.2. Bổ sung quy định về tính chất của quyết định hành chính liên quan đến quốc tịch (Khoản 8 Điều 5)**

Luật bổ sung quy định: “Quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam liên quan đến quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật này không bị khiếu nại, khiếu kiện.” Quy định này nhằm mục đích: Khẳng định quyền chủ quyền tuyệt đối của quốc gia trong vấn đề quốc tịch, một nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi trong luật pháp quốc tế; Bảo vệ giá trị pháp lý tối thượng và tính ổn định của các quyết định về quốc tịch do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành; và Đảm bảo lợi ích tối cao của quốc gia, phòng ngừa các tranh chấp kéo dài có thể ảnh hưởng đến an ninh, đối ngoại và quan hệ quốc tế.

#### **2.3.3. Quy định về trách nhiệm rà soát, sửa đổi văn bản pháp luật liên quan**

Luật giao trách nhiệm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan có liên quan trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực phải rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi các quy định có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam, đồng thời có quốc tịch nước ngoài cho phù hợp với tinh thần “nới lỏng” của Luật mới. Điều này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, vừa bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, tránh tình trạng các văn bản dưới luật mâu thuẫn với tinh thần cải cách của Luật.

#### **2.3.4. Bổ sung quy định về hủy bỏ Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam và hoàn thiện căn cứ mất quốc tịch**

Để tăng cường tính răn đe, bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật và ngăn ngừa hành vi gian lận, Luật bổ sung một số quy định mới: Thứ nhất, về hủy bỏ Quyết định cho trở lại quốc tịch: Luật bổ sung căn cứ hủy bỏ đối với trường hợp người xin trở lại quốc tịch có hành vi cam đoan không đúng sự thật. Đồng thời, Luật bỏ quy định về thời hiệu 05 năm để hủy bỏ Quyết định cho nhập/trở lại quốc tịch (Điều 33), cho phép xử lý mọi trường hợp vi phạm bất kể thời gian đã trôi qua, thể hiện thái độ kiên quyết xử lý các hành vi không trung thực; Thứ hai, về trách nhiệm của cơ quan: Luật quy định rõ trách nhiệm của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Tòa án trong việc lập hồ sơ kiến nghị hủy bỏ Quyết định cho trở lại quốc tịch (Điều 34), đặc biệt trong bối cảnh cho phép người xin quốc tịch được cam đoan về một số điều kiện, nhằm tăng cường hiệu quả giám sát và phát hiện vi phạm; Thứ ba, về căn cứ mất

quốc tịch: Luật bổ sung việc “Bị hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam” là một căn cứ để mất quốc tịch Việt Nam (Điều 26), qua đó hoàn thiện khung pháp lý về tước quốc tịch, đảm bảo tính nghiêm minh và phòng ngừa vi phạm.

#### 2.3.5. *Bổ sung cơ sở pháp lý cho việc giải quyết hồ sơ quốc tịch điện tử (Khoản 7 Điều 39)*

Luật giao cho Chính phủ quy định việc thực hiện giải quyết hồ sơ quốc tịch trên môi trường điện tử, căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu và khả năng thực hiện trong từng thời kỳ. Quy định này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực quốc tịch, giúp các thủ tục về quốc tịch trở nên minh bạch, nhanh chóng, thuận tiện hơn cho người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phù hợp với xu thế phát triển của Chính phủ điện tử và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

### 2.4. **Nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính**

Một trong những mục tiêu trọng tâm của Luật sửa đổi là cắt giảm rào cản hành chính, giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

#### 2.4.1. *Về thành phần hồ sơ*

Luật bỏ quy định phải nộp Phiếu Lý lịch tư pháp trong hồ sơ xin nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch (Điều 20, 23, 28). Cơ quan có thẩm quyền sẽ tự kiểm tra thông tin qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dữ liệu lý lịch tư pháp. Đây là bước tiến lớn trong chia sẻ dữ liệu, giảm giấy tờ và thúc đẩy chuyển đổi số. Đồng thời, luật yêu cầu bổ sung giấy tờ chứng minh lý lịch tư pháp do cơ quan nước ngoài cấp, còn hiệu lực trong 90 ngày. Quy định này tăng tính chính xác, cập nhật và hỗ trợ quản lý rủi ro.

#### 2.4.2. *Về thời hạn giải quyết*

Khoản 2 Điều 21 rút ngắn đáng kể thời gian xử lý ở cấp địa phương. Sở Tư pháp có 05 ngày làm việc để đề nghị Công an cấp tỉnh xác minh nhân thân. Công an cấp tỉnh có 30 ngày xác minh và trả kết quả. Sau đó, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh trong 05 ngày và Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, gửi ý kiến đến Bộ Tư pháp cũng trong 05 ngày. Việc quy định rõ ràng, rút ngắn từng bước giúp đẩy nhanh tiến độ, giảm chờ đợi cho người dân.

#### 2.4.3. *Về trình tự, thủ tục*

Luật số 79/2025/QH15 mang nhiều điểm đổi mới đáng chú ý: Thứ nhất, Luật bổ sung trách nhiệm xác minh của Bộ Công an trong quá trình giải quyết hồ sơ quốc tịch, đặc biệt đối với các thủ tục được thực hiện tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, qua đó nâng cao độ tin cậy và tính toàn diện của công tác xác minh; Thứ hai, Luật bãi bỏ thủ tục đăng ký xác định quốc tịch và cấp Hộ chiếu Việt Nam; kể từ ngày 01/7/2025, cơ quan đại diện chỉ thực hiện xác nhận và cấp Giấy xác nhận quốc tịch, giúp giảm tải công việc nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi của công dân; Thứ ba, trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện ở nước ngoài phải thẩm tra, chuyển hồ sơ về Bộ Tư pháp và đồng thời gửi thông tin đến Bộ Ngoại giao, qua đó rút ngắn quy trình và giảm khâu trung gian; Thứ tư, Luật cũng bỏ quy định yêu cầu Văn phòng Chủ tịch nước phải đăng Công báo các quyết định về quốc tịch. Lý do là quyết định này chỉ mang tính cá biệt, thông tin đã có sẵn trên các cổng thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia. Việc bỏ thủ tục này giúp tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm minh bạch, khả năng tiếp cận thông tin. Các sửa đổi trên cho thấy quyết tâm mạnh mẽ trong đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình, tận dụng công nghệ số, vừa tạo thuận lợi cho người dân vừa nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước [2].

### 3. **Kết luận**

Luật số 79/2025/QH15 đánh dấu bước tiến đột phá trong chính sách pháp luật về quốc tịch, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế hội nhập. Luật xây dựng khung pháp lý toàn diện, linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc chủ quyền, tạo hành lang thông thoáng cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài muốn gắn bó với Việt Nam. Những điểm mới nổi bật như mở rộng điều kiện nhập và trở lại quốc tịch, bổ sung trường hợp miễn trừ, linh hoạt trong chính sách tên gọi và công nhận song tịch có kiểm soát thể hiện sự cân nhắc kỹ lưỡng giữa bảo vệ lợi ích quốc gia và đáp ứng nhu cầu chính

đáng của cá nhân. Các quy định bảo vệ quyền trẻ em, siết chặt tiêu chuẩn chức danh công vụ và tăng cường chế tài xử lý vi phạm tạo nên khung pháp lý vừa mở nhưng chặt chẽ, thông thoáng nhưng vẫn bảo đảm an ninh. Luật cũng chú trọng cải cách thủ tục hành chính thông qua đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian và tối ưu hóa quy trình. Việc bổ sung cơ sở pháp lý cho giải quyết hồ sơ điện tử thể hiện tiếp cận hiện đại, phù hợp xu thế chuyển đổi số. Luật số 79/2025/QH15 là công cụ pháp lý quan trọng hiện thực hóa chủ trương đại đoàn kết dân tộc, thu hút nhân tài và nâng cao vị thế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Thành công của Luật sẽ phụ thuộc vào sự phối hợp đồng bộ trong triển khai thi hành và sự tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn trong thời gian tới.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2015). *Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 19/5/2015 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới*, tr. 2.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2004). *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*, tr. 5.
- [3] Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, tr. 3-4.
- [4] Chính phủ (2025). *Nghị định số 191/2025/NĐ-CP, ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam*.
- [5] Công ước về giảm tình trạng không quốc tịch năm 1961 của Liên Hợp quốc. Nguồn: <https://www.unhcr.org/in/who-we-protect/stateless-people/un-conventions-statelessness>.
- [6] Quốc hội (2008). *Luật Quốc tịch Việt Nam*. Luật số 24/2008/QH12, ngày 13/11/2008.
- [7] Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam*. Luật số 79/2025/QH15, ngày 24/6/2025.

## NÂNG CAO KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN...

Tiếp theo trang 275

### 3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy bức tranh đa chiều và nhiều màu sắc về thực trạng kỹ năng CNTT của SV. Mặc dù SV Trường Đại học Tây Nguyên thể hiện mức độ tự tin khá cao về khả năng bảo mật thông tin nhưng thực tế có nhiều SV đã phải đối mặt với lừa đảo trực tuyến. Điều này cho thấy sự tự tin hiện có không đủ để bảo vệ họ trước các mối đe dọa ngày càng tinh vi. Nghiên cứu cũng chỉ ra nữ SV là mục tiêu chính của các cuộc tấn công lừa đảo (cao hơn nam SV 21,5 điểm phần trăm) và các hình thức tấn công dựa trên thông tin. Hơn nữa, nhu cầu về các kỹ năng CNTT không tĩnh tại mà có sự thay đổi theo các năm học. Từ những phát hiện trên, nghiên cứu đề xuất, các chương trình phát triển kỹ năng CNTT cho SV tại nhà trường cần không chỉ tập trung vào các kỹ năng kỹ thuật cơ bản mà còn hướng tới xây dựng các chương trình đào tạo toàn diện, hướng tới việc nâng cao kỹ năng tư duy phản biện để ứng phó với tin giả, kỹ năng phòng vệ trước các kịch bản lừa đảo trên môi trường mạng cũng như kỹ năng quản lý danh tính số an toàn. Đặc biệt, các chương trình này cần được thiết kế một cách linh hoạt, có tính đến sự khác biệt về giới tính và mục tiêu năm học để đáp ứng đúng và trúng nhu cầu cấp thiết của SV, qua đó trang bị cho họ một bộ công cụ vững chắc để không chỉ tồn tại mà còn thành công trong kỷ nguyên số.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2] Bộ Thông tin và Truyền thông (2018). *Tài liệu những điều cần biết về nghề công nghệ thông tin*. NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [3] Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Sách trắng công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam 2024*. NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Huệ (2025). *Kỹ năng công nghệ thông tin của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số nhìn từ khía cạnh an toàn thông tin mạng*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, tháng 9.
- [5] Quốc hội (2006). *Luật Công nghệ thông tin*. Luật số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006.
- [6] Quốc hội (2015). *Luật An toàn thông tin mạng*. Luật số 86/2015/QH13, ngày 19/11/2015.
- [7] Tổng cục Thống kê (2024). *Báo cáo tổng kết tình hình lao động, việc làm năm 2023*, Hà Nội.
- [8] Tổng cục Thống kê (2024). *Niên giám Thống kê*. NXB Thống kê, Hà Nội.